

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Kết luận số 02-KL/TW, ngày 26/4/2016 của Ban Bí thư Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

-----

Thực hiện Kết luận 02-KL/TW ngày 26/4/2016 của Ban Bí thư Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Tỉnh ủy xây dựng chương trình hành động thực hiện với những nội dung sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 41-NQ/TW**

Qua hơn mười năm thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh Lâm Đồng đã đạt được những kết quả quan trọng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết trong toàn tỉnh; ban hành Chỉ thị thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 41-NQ/TW và Chỉ thị số 29-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều quyết định, văn bản quan trọng triển khai Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Các sở, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh đã tích cực phối hợp, triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường liên quan đến ngành, địa phương, tổ chức mình.

Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được chú trọng triển khai thực hiện đồng bộ. Nhận thức về công tác bảo vệ môi trường của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp và nhân dân từng bước được nâng lên, tạo chuyển biến tích cực trong hành động. Tỉnh đã tập trung làm tốt công tác kiểm soát ô nhiễm, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra giám sát về chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và các tổ chức chính trị, xã hội đồng cấp đã tổ chức ký kết nhiều chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường. Chú trọng việc tuyên truyền, phát động, hưởng ứng bảo vệ môi trường nhân các sự kiện, ngày bảo vệ môi trường của quốc tế và Việt Nam hàng năm<sup>1</sup>. Trong các chương trình, dự án, đề án của ngành, địa phương đã lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường. Hầu hết doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong hoạt động; toàn tỉnh có trên 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng mới đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường. Nội dung này còn được đưa vào các cam

---

<sup>1</sup> Ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường, Tháng hưởng ứng chiến dịch "Làm cho thế giới sạch hơn" ...

kết, hương ước, là tiêu chí để xét, công nhận gia đình, thôn, buôn, khu phố và cơ quan văn hóa, góp phần cải tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

*Tuy nhiên*, công tác quản lý môi trường còn nhiều khó khăn, bất cập: việc phân cấp, phân bổ kinh phí và phân công nhiệm vụ giữa các ngành, các cấp chưa thống nhất và còn chồng chéo. Nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực và việc phối hợp, giải quyết vấn đề môi trường có tính chất liên vùng giữa các địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Kết cấu hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp chưa được xây dựng đồng bộ, gây khó khăn cho công tác quản lý môi trường. Việc thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý môi trường đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thuộc nhóm dịch vụ công ích và việc di dời đối với cơ sở sản xuất, cơ sở chăn nuôi có nguy cơ gây ô nhiễm cao ra khỏi khu dân cư tập trung chưa triệt để. Việc quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại còn bất cập, thiếu chặt chẽ, chưa đáp ứng yêu cầu. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý về môi trường ở địa phương, cơ sở còn thiếu và yếu về chuyên môn. Nguồn kinh phí cho công tác quản lý bảo vệ môi trường còn hạn chế, đầu tư thiếu tập trung và bền vững. Công tác gìn giữ, tôn tạo và phát triển môi trường cảnh quan chưa đáp ứng yêu cầu.

## **II. YÊU CẦU, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ**

### **1. Yêu cầu**

Tiếp tục thực hiện nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

### **2. Mục tiêu đến năm 2020**

- Đảm bảo 100% các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển được đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và có kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định; 100% các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được xác nhận hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Duy trì tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng mới với yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 90%, phấn đấu đến năm 2020 đạt 95%. Kiểm soát không để phát sinh các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; không chế tỷ lệ cơ sở hiện đang gây ô nhiễm môi trường dưới 0,5% tổng số các cơ sở đang hoạt động.

- Đối với các chỉ tiêu về xử lý chất thải: Tiêu hủy, xử lý đúng quy định 85% chất thải nguy hại, 100% chất thải rắn y tế; thu gom xử lý 90% chất thải sinh hoạt, công nghiệp và dịch vụ; các đô thị loại IV trở lên phải có hệ thống thu gom nước thải tập trung và nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt; phấn đấu 100% Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp xây dựng và vận hành hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung.

- Giảm nhẹ mức độ suy thoái tài nguyên thiên nhiên; kiểm chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học; duy trì và khôi phục rừng đầu nguồn, nâng cao chất lượng rừng. Tiếp tục thực hiện các chương trình trồng rừng, nâng độ che phủ rừng đạt tối thiểu 55% vào năm 2020.

- Hoàn thiện công tác điều tra cơ bản, xây dựng bộ cơ sở dữ liệu cơ sở về môi trường góp phần quản lý khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững và hiệu quả.

### **3. Nhiệm vụ trọng tâm**

- Đổi mới nội dung tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và mọi người dân. Chú trọng yếu tố môi trường, phát triển kinh tế xanh, bền vững trong thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Xây dựng tiêu chí, chuẩn mực về bảo vệ môi trường trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức, ứng xử thân thiện với môi trường trong toàn xã hội. Gắn việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác bảo vệ môi trường. Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương khi đề xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Thực hiện giao chỉ tiêu, đánh giá, xếp hạng công tác này đối với các ngành, địa phương.

- Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo hướng tổng hợp, thống nhất, tập trung đầu mối; khắc phục triệt để tình trạng phân tán, chồng chéo trong quản lý nhà nước; chú trọng nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường, nhất là ở cấp huyện, cấp xã.

- Thể chế hóa các quy định pháp luật phù hợp với thực tế địa phương theo hướng sát thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo, xung đột giữa pháp luật về môi trường với các lĩnh vực khác có liên quan.

- Nghiên cứu xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về: chất lượng môi trường; phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm; quản lý chất thải; khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học,... đáp ứng yêu cầu phát triển và phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

- Cơ cấu lại, sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng mục đích nguồn chi sự nghiệp môi trường. Kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho bảo vệ môi trường.

- Chú trọng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về bảo vệ môi trường; thúc đẩy đổi mới công nghệ sản xuất và phát triển công nghệ môi trường; hạn chế phát triển mới và có lộ trình giảm dần các dự án sản xuất, kinh doanh tiêu tốn nhiều năng lượng, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường.

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường**

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; tổng kết, nhân rộng các mô hình tự quản, tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường. Tổ chức thực hiện phổ biến,

giáo dục pháp luật, kiến thức về bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu trong các trường học. Kịp thời tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường.

## **2. Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến huyện, xã theo hướng nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng, kiến thức quản lý bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu.

- Rà soát, điều chỉnh, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển tỉnh, ngành, địa phương chưa phù hợp và chưa đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường địa phương.

- Nghiên cứu, thử nghiệm phân vùng chức năng theo các hệ sinh thái phục vụ quy hoạch phát triển, xây dựng quy hoạch các khu vực được ưu tiên, khu vực hạn chế hoặc cấm phát triển công nghiệp, khai thác khoáng sản nhằm giảm xung đột giữa mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm môi trường của lực lượng cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường.

- Thực hiện việc thu đúng, thu đủ thuế, phí bảo vệ môi trường đối với chất thải nhằm bảo đảm đủ kinh phí cho xử lý chất thải và tạo nguồn vốn đầu tư trở lại cho hoạt động bảo vệ môi trường. Đồng thời, tăng cường áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý nhà nước về môi trường; đẩy mạnh thực hiện tốt các cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng nhằm tạo nguồn vốn đầu tư duy trì công tác quản lý bảo vệ rừng...

## **3. Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường**

- Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng có lợi cho các ngành kinh tế thân thiện với môi trường, hạn chế phát triển các nhóm ngành có nguy cơ cao gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; không cấp phép đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng đối với các loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, nhất là tại các khu vực tập trung dân cư, lưu vực sông, vùng ưu tiên cần phải bảo vệ.

- Đánh giá môi trường chiến lược cho các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường công tác hậu kiểm; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn nhập khẩu, sử dụng trong tỉnh công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

- Triển khai các nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nilon khó phân hủy; từng bước xây dựng, hình thành thói quen tiêu dùng các sản phẩm thân thiện môi trường. Tăng cường năng lực chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó sự cố môi trường, nhất là sự cố tràn hóa chất, bùn đỏ trong sản xuất Alumin;

sự cố phóng xạ, hạt nhân và thiên tai bão lũ...

- Thực hiện chính sách ưu đãi các cơ sở: sản xuất, chế biến, trồng trọt, chăn nuôi sử dụng công nghệ, chế phẩm,... thân thiện với môi trường. Thu gom, phân loại rác thải tại nguồn theo hướng chuyên môn hóa, gắn với việc bố trí các điểm thu gom hợp lý và xây dựng một số nhà máy xử lý chất thải rắn đạt quy chuẩn môi trường.

#### **4. Kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn gây ô nhiễm**

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra về môi trường đối với các cơ sở đang hoạt động; các dự án khai thác khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Khẩn trương xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tập trung giải quyết đóng cửa và hoàn nguyên các bãi rác không hợp vệ sinh gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.000. Triển khai nhiệm vụ bảo vệ môi trường làng nghề như nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường.

- Triển khai bảo vệ môi trường khu vực nông thôn, trong đó tập trung quản lý chặt chẽ các nguồn thải từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản; tiêu hủy gia súc, gia cầm bị dịch bệnh theo đúng quy định, bảo đảm vệ sinh môi trường. Phát triển các mô hình sản xuất sử dụng khí sinh học từ chất thải chăn nuôi, tận dụng phế phẩm nông nghiệp sản xuất phân bón hữu cơ. Từng bước giảm thiểu sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón hóa học và tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật khi sử dụng các loại hóa chất nói trên trong sản xuất nông nghiệp.

- Triển khai công tác quản lý chất thải rắn: Thu gom, phân loại chất thải rắn, rác thải tại nguồn; đưa chỉ tiêu diện tích đất các khu vực xử lý, các điểm tập kết, trung chuyển rác thải vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và quy hoạch chỉnh trang, phát triển đô thị, khu dân cư tập trung. Triển khai hiệu quả và thực hiện nghiêm các quy định về đăng ký, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy và chôn lấp chất thải nguy hại; huy động nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình xử lý chất thải y tế.

- Triển khai các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải; thực hiện lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và khuyến khích phát triển các phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

#### **5. Cải tạo, phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm**

- Xác định, phân loại các khu vực bị ô nhiễm môi trường để triển khai hiệu quả các hoạt động khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường. Tập trung bảo vệ, duy trì, cải tạo, nâng cấp, phục hồi môi trường các hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông trong đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm nghiêm trọng (*từ nguồn vốn ODA hoặc ngân sách nhà nước*). trong đó chú trọng gắn quy hoạch chỉnh trang đô thị với việc nâng cấp, hoàn thiện hệ thống tiêu thoát nước thải, nước mưa và xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Triển khai thực hiện Đề án bảo vệ môi trường hệ thống lưu vực sông Đồng

Nai trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2020. Tổ chức thẩm định, ban hành, thực hiện có hiệu quả Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

- Xây dựng và ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân trong việc xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm không sử dụng ngân sách nhà nước. Xây dựng và triển khai đề án quy hoạch, khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích nghiên cứu các mô hình và đầu tư phát triển đô thị xanh, kiến trúc xanh, nông nghiệp hữu cơ thân thiện môi trường nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

#### **6. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường**

Ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình trọng điểm về đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Xây dựng, nâng cấp và cải tạo hệ thống thoát nước; xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, nước thải công nghiệp; quy hoạch các bến, bãi đỗ xe, các tuyến xe buýt, taxi phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển giao thông, tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh và thân thiện môi trường. Đối với khu vực nông thôn tiếp tục triển khai các dự án: Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới các công trình cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh nhất là ở vùng sâu, vùng xa; triển khai các dự án đầu tư hệ thống tiêu thoát nước, nghĩa trang, ao hồ sinh thái đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới. Triển khai dự án nâng cấp, cải tạo, đầu tư mới các công trình xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh phù hợp Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại của Chính phủ đến năm 2025.

#### **7. Thực hiện khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên**

- Lồng ghép thực hiện các nội dung về khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo định hướng phát triển bền vững. Đẩy mạnh điều tra tổng quát hiện trạng để xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên thiên nhiên của toàn tỉnh. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo, giám sát những biến động của nguồn tài nguyên, nguồn nước mặt, nước ngầm; đảm bảo cung cấp kịp thời những thông tin cần thiết cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Xây dựng và triển khai các dự án điều tra, đánh giá hiện trạng công tác quản lý, khai thác tài nguyên. Dự báo diễn biến tình hình khai thác và sử dụng trong tương lai, đề xuất các biện pháp khai thác sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép,... để giữ rừng, giảm tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

- Thực hiện nghiêm các quy định về chuyển đổi đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đầu nguồn và đất trồng lúa sang các mục đích sử dụng khác; triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các mô hình làng kinh tế sinh thái trên các vùng đất thoái hóa, bạc màu, hoang mạc hóa nhằm cải tạo chất lượng đất, thu hẹp quy mô và mức độ thoái hóa, bạc màu. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các dự án sân golf, thủy điện, khai khoáng để khai thác,

sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, nước, rừng. Thực hiện lồng ghép việc bảo vệ môi trường với quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Thực hiện lồng ghép nội dung sử dụng tài nguyên nước trong các quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều nước bảo đảm phù hợp với quy hoạch khai thác tài nguyên nước; kiểm soát ô nhiễm nguồn nước. Tiến hành kiểm tra thường xuyên và xử lý nghiêm các cơ sở khai thác nước mặt, nước ngầm có hành vi vi phạm pháp luật, nhất là vào mùa khô; nghiên cứu, triển khai áp dụng thí điểm việc cấp hạn ngạch trong khai thác nước mặt, nước ngầm cho từng khu vực.

- Phát triển nuôi thủy sản hồ chứa trên các vùng nước ven sông, suối gắn liền với bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản, góp phần giảm nghèo; xây dựng phát triển một số khu bảo tồn nội địa nhằm bảo vệ, tái tạo, phát triển các loài thủy sản bản địa quý hiếm, nguồn lợi thủy sản.

### **8. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**

- Xây dựng và triển khai Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác quản lý bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của tỉnh. Tổ chức đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học theo các tiêu chí để xác lập khu bảo tồn thiên nhiên được quy định tại Luật Đa dạng sinh học và các luật liên quan.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý hoạt động vận chuyển, tiêu thụ trái phép các loài được ưu tiên bảo vệ, cấm, hạn chế khai thác ngoài tự nhiên theo hướng tăng cường sự tham gia của cộng đồng, tăng chế tài xử lý các hành vi vi phạm.

- Triển khai thực hiện việc ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại; trong đó, chú trọng tăng cường năng lực cho các cơ quan chuyên môn về đa dạng sinh học, kiểm dịch.

### **9. Tăng cường năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính**

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 64/CTr/TU, ngày 11/10/2013 của Tỉnh ủy về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Quyết định 1246/QĐ-UBND, ngày 28/06/2013 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu.

- Thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển; chương trình quản lý rừng bền vững...; rà soát, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực cho phù hợp các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Xây dựng, tổ chức các chương trình nâng cao năng lực và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng trực tiếp, dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu. Nghiên cứu triển khai các giải pháp chống ngập, sạt lở, sụt trượt, cản lũ một số đoạn, tuyến quốc lộ, tỉnh lộ và vùng núi nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **10. Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường**

- Khuyến khích thành lập các trung tâm chuyển giao công nghệ, trung tâm tư

vấn khoa học công nghệ môi trường, nông lâm nghiệp và các trung tâm dịch vụ đào tạo, tổ chức mạng lưới khuyến lâm, khuyến nông ở cơ sở. Nghiên cứu xây dựng các chương trình, đề tài, dự án về bảo vệ môi trường hiệu quả và bền vững, áp dụng các giải pháp kỹ thuật xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phòng chống thiên tai và ngăn chặn các thảm họa về môi trường.

- Tăng cường vai trò của các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu, trước hết là các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu trong tỉnh, trong việc đào tạo nguồn nhân lực và thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học có liên quan đến bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên.

- Kiểm soát các giống loài nguồn gen sinh vật ngoại nhập vào địa bàn tỉnh; điều tra, đánh giá mức độ nguy hại của các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, kiểm soát và xử lý sự cố do sinh vật ngoại lai xâm hại gây ra. Tổ chức thẩm định, đánh giá và phổ biến công nghệ xử lý môi trường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến và thực hiện dân nhĩn sinh thái đối với các sản phẩm thân thiện môi trường; phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

#### **11. Phát triển ngành kinh tế môi trường để hỗ trợ các ngành kinh tế khác giải quyết các vấn đề môi trường**

Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư đa dạng hóa thành phần kinh tế tham gia hoạt động bảo vệ môi trường. Ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực cung ứng sản phẩm, hàng hóa thân thiện với môi trường, các sản phẩm tái chế, sản xuất năng lượng từ chất thải kết hợp thực hiện thúc đẩy tiêu dùng các loại sản phẩm này. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ môi trường, phát triển ngành công nghiệp môi trường của tỉnh theo lộ trình chung của Chính phủ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

#### **12. Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường**

- Ưu tiên phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường; tăng dần tỷ lệ phân bổ kinh phí cho hoạt động sự nghiệp môi trường theo tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn về công tác bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của ngành tài nguyên và môi trường trong phân bổ, giám sát các nguồn chi ngân sách cho bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thực hiện Đề án huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường; triển khai mạnh mẽ mô hình hợp tác công - tư (PPP). Đẩy mạnh vận động tài trợ quốc tế nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn hỗ trợ phát triển từ các tổ chức quốc tế và Chính phủ các nước cho bảo vệ môi trường, nhất là trong việc khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực xã hội tham gia bảo vệ môi trường, góp phần khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, phát triển bền vững.



### 13. Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh hợp tác với các nước phát triển trên thế giới và khu vực trong việc tiếp nhận, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, xử lý chất thải; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trao đổi chuyên gia trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Chủ động, tích cực tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề liên quan đến môi trường; đặc biệt trong việc giảm phát thải cacbon và ứng phó với biến đổi khí hậu.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy, các đồng chí Tỉnh ủy viên có trách nhiệm lãnh đạo, tổ chức nghiên cứu, học tập quán triệt và xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy phù hợp với chức năng nhiệm vụ và tình hình đặc điểm cụ thể của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

2. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa nội dung chương trình hành động này về mặt Nhà nước, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các ngành chức năng để tổ chức triển khai thực hiện; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động; định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện, báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh đẩy mạnh việc tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia các hoạt động BVMT trên địa bàn tỉnh; giám sát thực hiện Chương trình hành động này.

4. Các cấp ủy Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo. *VL*

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ban Kinh tế Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các huyện, thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và đoàn thể tỉnh;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



**T/M TỈNH ỦY  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đức Quận**



## PHỤ LỤC

### **Các văn bản pháp lý làm cơ sở xây dựng và thực hiện Chương trình hành động**

1. Nghị quyết số 35/NQ/NQ-CP, ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
2. Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg, ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
3. Quyết định số 1030/QĐ-TTg, ngày 20/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025.
4. Quyết định số 1929/QĐ-TTg, ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng phát triển cấp nước đô thị và KCN Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.
5. Quyết định số 2149/QĐ-TTg, ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.
6. Quyết định số 249/QĐ-TTg, ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển dịch vụ môi trường đến năm 2020.
7. Quyết định số 909/QĐ-TTg, ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố.
8. Quyết định số 1690/QĐ-TTg, ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020.
9. Quyết định số 855/QĐ-TTg, ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông vận tải.
10. Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg, ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.
11. Quyết định số 2038/QĐ-TTg, ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.
12. Quyết định số 57/QĐ-TTg, ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 – 2020.
13. Quyết định số 170/QĐ-TTg, ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025.
14. Quyết định số 1206/QĐ-TTg, ngày 02/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.
15. Quyết định số 1869/QĐ-TTg, ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại đến năm 2020.

16. Quyết định số 577/QĐ-TTg, ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

17. Quyết định số 582/QĐ-TTg, ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt.

18. Quyết định số 1250/QĐ-TTg, ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

19. Chỉ thị số 44-CT/TU, ngày 31/8/2009 của Tỉnh ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị (*khoá IX*) về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

20. Chương trình hành động số 64/CTr/TU, ngày 11/10/2013 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về chủ động ứng phó với biến đổi, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

-----